

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 814 /UBND-DTTS
V/v hướng dẫn thực hiện Quyết định
số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015
của Thủ tướng Chính phủ

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2015

Kính gửi: UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 14/4/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 498/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2025”.

Để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Ủy ban Dân tộc đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là UBND tỉnh) chỉ đạo xây dựng Kế hoạch thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2015-2020 (giai đoạn I) trên địa bàn tỉnh với các nội dung sau:

1. Căn cứ xây dựng:

- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;
- Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2025”;
- Công văn số 814 /UBND-DTTS ngày 21/8 /2015 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ;
- Các văn bản có liên quan của tỉnh (nếu có);
- Căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương và thực trạng tình hình tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trên địa bàn tỉnh,

2. Mục đích, yêu cầu

a) Mục đích

Nâng cao nhận thức và ý thức pháp luật, chuyển đổi hành vi trong hôn nhân của đồng bào dân tộc thiểu số nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, góp phần nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số.

b) Yêu cầu

- Các hoạt động trong kế hoạch phải cụ thể, khả thi, bám sát các nội dung, nhiệm vụ của Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương.

- Chú trọng đối với các địa bàn vùng dân tộc thiểu số có tỷ lệ hoặc nguy cơ tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống cao để xác định các hoạt động ưu tiên và tăng cường nguồn lực trong triển khai thực hiện.

- Lồng ghép, kết hợp các hoạt động thực hiện Đề án với các chương trình, đề án, kế hoạch khác có liên quan đã, đang được triển khai tại địa phương bảo đảm không chồng chéo, tiết kiệm, hiệu quả.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong tổ chức triển khai thực hiện Đề án ở địa phương.

3. Các hoạt động chủ yếu

Căn cứ vào điều kiện và tình hình cụ thể của địa phương để lựa chọn các hoạt động cho phù hợp:

- a) Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, số liệu liên quan về thực trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và đánh giá kết quả thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh

- Căn cứ kết quả thu được từ các cuộc điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế-xã hội của 53 dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh do Tổng cục Thống kê và Ủy ban Dân tộc thực hiện (theo chu kỳ, thời điểm điều tra, thu thập thông tin được quy định tại Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ) để phân tích, tổng hợp, đánh giá thực trạng và kết quả thực hiện Đề án hằng năm và giai đoạn 2015-2020 (giai đoạn I);

- Các hoạt động thu thập thông tin, số liệu liên quan theo định kỳ hằng năm.

- Đánh giá kết quả thực hiện (cần quan tâm so sánh các mục tiêu, chỉ tiêu trước và sau khi thực hiện) định kỳ hằng năm và trong từng giai đoạn thực hiện Đề án.

- b) Tổ chức các hoạt động truyền thông, vận động, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi trong hôn nhân và tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, vận động, thường xuyên tại các cấp (tỉnh, huyện, xã): trên các phương tiện thông tin đại chúng (mở các chuyên trang, chuyên mục trên các báo, tạp chí, trang thông tin điện tử, đài phát thanh-truyền hình, qua hệ thống thông tin, truyền thanh tuyến xã); thi tìm hiểu pháp luật; tổ chức chiếu phim, video, hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nói chuyện chuyên đề, hoạt động tư vấn, trợ giúp pháp lý miễn phí tại cộng đồng và lưu động tại thôn bản...;

- Lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, vận động với các hoạt động giao lưu văn hoá, lễ hội, hoạt động hòa giải tại cộng đồng, các cuộc họp, hội nghị, sinh hoạt của chính quyền, đoàn thể, hoạt động ngoại khóa trong trường học, các câu lạc bộ, các tổ, nhóm;

- Phối hợp tuyên truyền, vận động thực hiện tốt các thiết chế văn hóa, hương ước, quy ước nếp sống văn hóa vùng dân tộc thiểu số;

- Chú trọng các hoạt động truyền thông, vận động, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của đồng bào ở địa bàn các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số có tỷ lệ hoặc nguy cơ cao về tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. Huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị-xã hội, già làng, trưởng bản, người có uy tín thực hiện tuyên truyền, vận động đồng bào xóa bỏ những hủ tục lạc hậu về hôn nhân trong đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Tổ chức biên soạn, cung cấp thông tin, tài liệu, sản phẩm truyền thông (tiếng Việt, tiếng dân tộc) liên quan về hôn nhân và gia đình

Căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, các văn bản pháp luật hiện hành liên quan, các sản phẩm truyền thông do Trung ương xây dựng, cung cấp (như: tài liệu hướng dẫn, tìm hiểu, hỏi-đáp, băng đĩa CD, VCD, tờ rơi, tờ gấp, pa nô, áp phích, tranh cổ động, khẩu hiệu,...), các tỉnh cấp phát hoặc xây dựng mới cho phù hợp với văn hóa, ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số trong tỉnh và cung cấp các sản phẩm truyền thông cho tuyến huyện, xã và các đối tượng cụ thể để cung cấp thông tin, thực hiện tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.

d) Xây dựng, triển khai thực hiện mô hình điểm đối với một số địa bàn vùng dân tộc thiểu số có tỷ lệ hoặc nguy cơ tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống cao

- Lựa chọn, xây dựng, triển khai thực hiện mô hình điểm (dự kiến triển khai thí điểm trong 3 năm: 2016-2018, sau đó tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm và nhân rộng những năm tiếp theo): 01 mô hình tại xã, phường, thị trấn (có đồng bào dân tộc thiểu số, có tỷ lệ hoặc nguy cơ tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống cao) và 01 mô hình tại trường học (trung học cơ sở hoặc dân tộc nội trú); quy mô và số lượng mô hình triển khai do tỉnh xem xét, quyết định.

Lưu ý: đối với các tỉnh đã, đang triển khai “Mô hình can thiệp làm giảm tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống góp phần nâng cao chất lượng dân số giai đoạn 2011-2015” do ngành dân số thực hiện cần phối hợp đánh giá hiệu quả thực hiện mô hình để kế thừa và xem xét việc tiếp tục triển khai nhân rộng hoặc xây dựng mô hình mới nhằm tránh chồng chéo và đảm bảo hiệu quả.

- Các hoạt động chính thực hiện mô hình: căn cứ yêu cầu, điều kiện thực tế của địa bàn chọn mô hình và nguồn lực đảm bảo để lựa chọn các hoạt động phù hợp mà không nhất thiết phải triển khai tất cả các hoạt động; mỗi hoạt động

của mô hình cần nêu rõ về: mục đích, đối tượng tác động, nội dung và phương thức tổ chức thực hiện, thời gian, tiến độ triển khai, kinh phí đảm bảo... để triển khai các hoạt động sau (*chi tiết nội dung Mô hình theo Đề cương gửi kèm*):

- + Khảo sát, thu thập thông tin, số liệu liên quan để đánh giá, lựa chọn địa bàn thực hiện, đưa ra các chỉ báo đánh giá đầu vào và các hoạt động cụ thể để thực hiện mô hình;

- + Triển khai các hoạt động tuyên truyền, cung cấp thông tin, phổ biến pháp luật; truyền thông, vận động, tư vấn, can thiệp, hỗ trợ... nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, tăng cường khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ở địa bàn thực hiện mô hình;

- + Xây dựng, hình thành đội ngũ cán bộ và cộng tác viên tham gia thực hiện mô hình...; theo dõi, kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện mô hình;

- + Hoạt động khác (nếu có).

d) Tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện Đề án

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình trong đồng bào dân tộc thiểu số;

- Cung cấp tài liệu tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn và các sản phẩm truyền thông, tài liệu pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình;

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, giao lưu, thăm quan, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình.

e) Hoạt động chỉ đạo, quản lý, kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án

- Đưa mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Luật Hôn nhân và Gia đình, phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống vào trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hằng năm của chính quyền các cấp ở địa phương;

- Xây dựng, lồng ghép đưa các qui định của pháp luật về hôn nhân và gia đình và các qui định pháp luật liên quan khác vào hương ước, quy ước, tiêu chuẩn bản làng văn hóa, gia đình văn hoá;

- Hỗ trợ tư pháp xã thực hiện quản lý, cung cấp thông tin, tư vấn cho các đối tượng chuẩn bị kết hôn, làm giấy đăng ký kết hôn và giấy khai sinh cho trẻ em tại địa bàn;

- Tổ chức các hoạt động giao lưu học tập kinh nghiệm giữa các địa phương về kinh nghiệm cách làm tốt thực hiện ngăn ngừa, hạn chế nạn tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số;

- Tăng cường quản lý, kiểm tra, phát hiện sớm các trường hợp có nguy cơ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống để có biện pháp kịp thời ngăn ngừa.

f) Các hoạt động khác (nếu có)

4. Kinh phí thực hiện

a) Nguồn kinh phí

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Đề án tại địa phương thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 của Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ thực hiện Đề án được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, đề nghị các tỉnh cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp và quy định của các văn bản hướng dẫn hiện hành thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch.

- Đối với các địa phương có khó khăn không thể bố trí được kinh phí để thực hiện các hoạt động của Đề án thì lập dự toán kinh phí trong kế hoạch ngân sách hằng năm của tỉnh, thành phố gửi Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ từ ngân sách trung ương để thực hiện.

b) Nội dung và mức chi các hoạt động, nhiệm vụ của Đề án thực hiện theo các quy định tài chính hiện hành của Nhà nước.

5. Tổ chức thực hiện

a) Phân công trách nhiệm

- Căn cứ Khoản 2 Điều 2 của Quyết định số 498/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đề nghị UBND tỉnh giao Cơ quan công tác dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án giai đoạn 2015-2025, kế hoạch hằng năm trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện đồng thời gửi Ủy ban Dân tộc để tổng hợp;


- Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh là đơn vị Thường trực, tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý và triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Đề án trên địa bàn tỉnh;

b) Chế độ thông tin, báo cáo:

- Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2014/TT-UBND ngày 01/12/2014 của Ủy ban Dân tộc quy định chế độ thông tin, báo cáo về công tác dân tộc.

- Định kỳ 6 tháng (*gửi trước 20 tháng 6*) và hằng năm (*gửi trước 10 tháng 12*), báo cáo kết quả thực hiện, tình hình giải ngân, thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị và kế hoạch thực hiện Đề án năm tiếp theo gửi Ủy ban Dân tộc (qua Vụ Dân tộc thiểu số), địa chỉ số 80 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội (kèm file mềm gửi qua thư điện tử vudantochieuso@cema.gov.vn) và các Bộ, ngành liên quan để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Trên đây là hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc về việc triển khai thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo cơ quan công tác dân tộc tỉnh và các cơ quan chức năng liên quan triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Ủy ban Dân tộc để xem xét, giải quyết.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Vụ Dân tộc thiểu số, Ủy ban Dân tộc, 80 Phan Đình Phùng, Hà Nội. Điện thoại: 04.37349892 

Nơi nhận 

- Như trên;
- Bộ trưởng, CNUB (để b/c);
- Cơ quan Công tác dân tộc các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Website UBDT;
- Lưu VT, DTTS (03b)

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



Hoàng Xuân Lương

ĐỀ CƯƠNG MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM:.....
(Kèm theo Công văn số 846 /UBND-DTTS ngày 13 tháng 8 năm 2015
của Ủy ban Dân tộc)

THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔ HÌNH

1. Tên Mô hình:
2. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh
3. Cơ quan quản lý: Ban Dân tộc tỉnh....
4. Đơn vị thực hiện:
5. Cơ quan, đơn vị phối hợp:
6. Mục tiêu của Mô hình:
7. Địa bàn triển khai: tên các huyện và số xã/trường học triển khai của từng huyện;
8. Thời gian thực hiện: từ năm 2016 đến năm 2018;
9. Tổng kinh phí thực hiện : triệu đồng;
 Trong đó: - Ngân sách Trung ương hỗ trợ (đề nghị cân đối, bổ sung hằng năm): đồng
 - Ngân sách địa phương: đồng
 - Nguồn khác: đồng

Chia ra: Năm 2016; 2017; 2018.

NỘI DUNG CHÍNH CỦA MÔ HÌNH

I. CĂN CỨ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG MÔ HÌNH

1. Căn cứ pháp lý:

- Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2025”;

- Công văn số/UBND-ĐTTS ngày.../8/2015 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số/QĐ-UBND ngày/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020” trên địa bàn tỉnh....;

-(Các văn bản có liên quan khác).

2. Căn cứ thực tiễn:

a) Khái quát về dân số, phân bố và tỷ lệ các dân tộc trong tỉnh và địa bàn (huyện/xã/thôn bản) được chọn triển khai mô hình thí điểm.

b) Thực trạng chung về tảo hôn và kết hôn cận huyết của tỉnh.

c) Tại địa bàn (huyện/xã/thôn bản) chọn triển khai mô hình thí điểm cần nêu:

- Tỷ lệ các cặp tảo hôn (một người hoặc cả vợ, chồng) so với tổng số cặp đã kết hôn; tỷ lệ số người chưa đủ tuổi kết hôn so với tổng số người kết hôn đã thống kê được trong 1-2 năm gần nhất, đồng thời ước tính số trường hợp tảo hôn nhưng không đăng ký, theo dõi được;

- Tỷ lệ các cặp kết hôn cận huyết thống thống kê được và ước tính tỷ lệ trong thực tế của tỉnh/huyện.

- Phân tích tác hại, ảnh hưởng của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống đối với gia đình/cộng đồng (ở địa phương chọn mô hình).

- Những yếu tố ảnh hưởng, tác động và nguyên nhân chủ yếu làm tăng tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống: các yếu tố về văn hóa, phong tục tập quán; các yếu tố về giáo dục, thực thi pháp luật (sự hiểu biết pháp luật, trình độ cán bộ và việc áp dụng các qui định của pháp luật về hôn nhân như đăng ký kết hôn, khai sinh...); các yếu tố về phía các gia đình, bản thân những người kết hôn trước tuổi và kết hôn cận huyết thống; v.v....

Từ những vấn đề nêu trên, phân tích để làm rõ vì sao/sự cần thiết huyện/xã này được lựa chọn xây dựng, triển khai mô hình nhằm hạn chế/giảm thiểu tình trạng tảo hôn/hôn nhân cận huyết thống ở địa phương.

II. MỤC TIÊU CỦA MÔ HÌNH

1. Mục tiêu chung

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu 1

b) Mục tiêu 2

....

III. ĐỊA BÀN, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Địa bàn triển khai

- Lựa chọn triển khai 1-2 huyện trong tỉnh; mỗi huyện lựa chọn 01 xã và 01 trường (THCS hoặc trường phổ thông dân tộc nội trú).

- Tiêu chí lựa chọn địa bàn huyện, xã triển khai như sau:

+ Xã thuộc vùng khó khăn, có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

+ Có nhiều trường hợp/có nguy cơ tảo hôn và kết hôn cận huyết thống cao.

- Quy mô và số lượng mô hình cụ thể do tỉnh xem xét, quyết định.

2. Đối tượng tác động

Tùy theo mô hình và các hoạt động triển khai (xã hoặc trường học) để xác định đối tượng tác động cụ thể cho phù hợp

3. Thời gian thực hiện: 3 năm (từ 2016-2018).

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA MÔ HÌNH

1. Hoạt động 1 (tên cụ thể):

- Mục đích:

- Đối tượng:

- Nội dung:

- Phương thức thực hiện:

....

2. Hoạt động 2 (tên cụ thể):

- Mục đích:

- Đối tượng:

- Nội dung:

- Phương thức thực hiện:

....

3. Hoạt động 3 (tên cụ thể):

- Mục đích:
- Đối tượng:
- Nội dung:
- Phương thức thực hiện:

.....

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban Quản lý thực hiện Mô hình

- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các ban, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất, xây dựng Mô hình phù hợp để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Trưởng ban Dân tộc tỉnh ban hành Quyết định thành lập Ban Quản lý (thành phần gồm: Trưởng ban là Lãnh đạo Ban Dân tộc tỉnh; Phó trưởng Ban và thành viên là đại diện các cơ quan, đơn vị, Ban, Ngành, Đoàn thể có liên quan) và quy chế hoạt động của Ban Quản lý thực hiện mô hình;

2. Cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện mô hình:

a) Cấp Trung ương (Ủy ban Dân tộc):

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện mô hình điểm tại một số địa phương;
- Hướng dẫn các địa phương nội dung hoạt động mô hình điểm giai đoạn 2016 – 2018;
- Tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm để triển khai nhân rộng trong giai đoạn tiếp theo.

b) Cấp tỉnh:

- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Cơ quan quản lý: Ban Dân tộc tỉnh
- Cơ quan thực hiện: Ban Dân tộc (hoặc Phòng Dân tộc huyện) là cơ quan chủ trì, phối hợp với UBND huyện (hoặc Trung tâm DS-KHHGD huyện) và UBND xã/Trường học triển khai mô hình tổ chức thực hiện các hoạt động theo hướng dẫn và kế hoạch của Ban Quản lý mô hình tỉnh, định kỳ tổng hợp, báo cáo tiến độ, cáo kết quả thực hiện về Ban Quản lý mô hình, UBND tỉnh và Ủy ban Dân tộc (qua Vụ Dân tộc thiểu số).

3. Đối tượng thụ hưởng và hiệu quả kinh tế - xã hội của mô hình

a) Đối tượng thụ hưởng

b) Hiệu quả kinh tế - xã hội

4. Kế hoạch hoạt động và kinh phí

a) Kế hoạch thực hiện

| TT | Hoạt động | Thời gian thực hiện | | Đơn vị chịu trách nhiệm | Kinh phí (VNĐ) | | |
|----|-----------|---------------------|--------------------|-------------------------|----------------|------------|-----------|
| | | Thời gian bắt đầu | Thời gian kết thúc | | Địa phương | Nguồn khác | Tổng cộng |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

b) Dự toán kinh phí chi tiết theo từng năm triển khai thực hiện Mô hình

* Năm:

| TT | Nội dung hoạt động | ĐVT | Số lượng | Định mức | Kinh phí (VNĐ) | | |
|----|--------------------|-----|----------|----------|----------------|------------|-----------|
| | | | | | Địa phương | Nguồn khác | Tổng cộng |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Cơ quan Trung ương

2. Đối với địa phương

TM. BAN DÂN TỘC TỈNH.....

(Ký và ghi rõ họ tên)